

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/01/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tú Phương

2. Ông Trần Văn Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL: Bà Lý Thị Nhiên- Kiểm sát
viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử
công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021
về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp
Phước Thuận, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Ng, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp Phước
Thanh, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

(chị Nguyễn Thị Thúy D, anh Nguyễn Hoàng Ng có đơn xin xét xử vắng
mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị
Nguyễn Thị Thúy D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Hoàng Ng chung sống chung với nhau từ năm 2014, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân gần 01 năm nay. Do nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng.

- Về con chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Ng trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị D, hôn nhân giữa hai người là tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc chị D yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Về con chung, tài sản chung anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Hoàng Ng tự nguyện xây dựng hôn nhân từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị D xác định vợ chồng chung sống không hợp nhau, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Ng. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 không công nhận chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Hoàng Ng là vợ chồng.

+ Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy D chịu 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thúy D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Ng là tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Anh Nguyễn Hoàng

Ng, chị Nguyễn Thị Thúy D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị D, anh Ng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị D và anh Ng tự nguyện sống chung từ năm 2014 và không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân.

- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.”*

- Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;”*

Xét thấy: chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Hoàng Ng có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị D, anh Ng là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị D yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận chị D và anh Ng là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng, chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy D. Không công nhận chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Hoàng Ng là vợ chồng.

- *Về con chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu;

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị D đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004824 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PL được chuyển thu.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm